

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A401**

Mã nhận dạng: 000679

Trang : 1/2

Số SV có mặt: 36...

Số bài thi:36...

Số tờ giấy thi: 36...

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
	N.T. Quốc Anh	Trần T. T. Li	Hau Nguyễn T. Hanh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122050004	TRƯỜNG KHÁNH ÂU	12/08/2004	CCQ2205A		03		8,6	9,8	9,3		
2	2122050034	ĐẶNG LÊ CHÍ BẢO	28/05/2004	CCQ2205A								
3	2122050009	NGUYỄN THÀNH THANH BẢO	14/05/2004	CCQ2205A		01		8,5	9,0	8,8		
4	2122050047	NGUYỄN TẤN CHIẾN	25/06/2004	CCQ2205B		02		5,2	8,6	7,2		
5	2122050043	ĐẶNG QUỐC CƯỜNG	18/03/2004	CCQ2205B		03		8,2	8,4	7,5		
6	2122050038	PHẠM THANH DIỄN	05/05/2004	CCQ2205B		04		5,3	9,4	8,2		
7	2122050040	VŨ VĂN HÙNG	23/09/2003	CCQ2205B		01		5,7	7,6	6,8		
8	2122050026	NGUYỄN XUÂN DUY	09/12/2004	CCQ2205A		02		7,4	9,6	8,7		
9	2122050042	TRẦN LÊ NHẬT DUY	06/11/2004	CCQ2205B		03		8,2	7,8	8,0		
10	2122050022	MAI QUANG ĐẠI	10/06/2004	CCQ2205A		04		5,8	8,4	7,4		
11	2122050008	LƯU BÁ ĐÔNG	27/07/1998	CCQ2205A		01		6,8	9,0	8,1		
12	2122050012	HUỲNH NGÔ PHƯỚC HẢI	26/03/2004	CCQ2205A		02		8,3	8,8	8,6		
13	2122050023	TRẦN HỮU HOÀNG	09/12/2004	CCQ2205A		03		5,9	9,0	7,8		
14	2122050036	VÕ PHƯỚC HON	16/04/2004	CCQ2205B		04		8,0	9,2	8,7		
15	2122050005	NGUYỄN VĂN HÙNG	08/07/2004	CCQ2205A								
16	2122050046	ĐOÀN MINH KHẢI	29/07/2004	CCQ2205B		02		6,5	9,2	8,1		
17	2122050045	PHAN VĂN KHẢI	31/08/2003	CCQ2205B		03		6,4	7,8	7,2		
18	2122050029	LƯƠNG DUY KHOA	11/06/2003	CCQ2205A		04		5,9	8,4	7,4		
19	2122050011	CAO HOÀNG PHƯƠNG NAM	31/10/2004	CCQ2205A				5,2				
20	2122050015	TRƯƠNG ĐẮC NGỌC	17/09/2004	CCQ2205A		02		6,0	9,2	7,9		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000679

Trang : 2/2

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A401**

Số SV có mặt: ...3.6...

Số bài thi:3.6...

Số tờ giấy thi: ...3.6...

Cán bộ coi thi 1 <i>Lưu Văn Hùng</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>V.T.Q. Anh</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Tôn T. Tiến</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Ng. Thị Hạnh</i>
---	---------------------------------------	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122050041	NGUYỄN CHÍ NGUYỄN	21/01/2004	CCQ2205B							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122050020	NGUYỄN LÊ HIẾU NHÂN	17/11/2004	CCQ2205A		04	<i>elhuu</i>	8.0	8.6	8.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122050031	ĐÀO MINH NHẬT	31/01/2004	CCQ2205A		01	<i>Minh</i>	6.5	8.0	7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122050017	HUỖNH TUẤN NHẬT	05/03/2004	CCQ2205A		02	<i>nhu</i>	8.0	9.8	9.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122050003	NGUYỄN MINH NHẬT	06/01/2004	CCQ2205A		03	<i>nh</i>	5.6	8.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122050028	LÊ MẬU HẢI QUÂN	09/03/2004	CCQ2205A		04	<i>Hải</i>	6.3	7.8	7.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122050032	LÊ NAM QUỐC	26/03/2004	CCQ2205A		01	<i>Qu</i>	7.6	9.2	8.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122050018	TRƯƠNG TẤN TÀI	02/01/2004	CCQ2205A		02	<i>Tai</i>	6.1	9.4	8.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122050027	NGUYỄN THÀNH THÁI	13/04/2004	CCQ2205A		03	<i>Thai</i>	6.9	9.0	8.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122050030	KHÊ NHƯ THUẦN	13/09/2004	CCQ2205A		04	<i>Nhu</i>	5.7	8.0	7.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122050019	NGUYỄN VĂN MINH THUẬN	12/03/2004	CCQ2205A		01	<i>Minh</i>	7.0	9.8	8.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122050021	PHẠM VĂN THIÊN THUẬT	19/01/2001	CCQ2205A		02	<i>thien</i>	7.3	9.4	8.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122050006	NGUYỄN DUY TIỀN	09/01/2003	CCQ2205A		03	<i>ti</i>	5.3	7.6	6.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122050035	ĐÀO PHÚ MINH TRỊNH	11/04/2004	CCQ2205A		04	<i>Trinh</i>	6.3	9.6	8.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122050025	ĐẶNG MINH TRỰC	07/01/2004	CCQ2205A		01	<i>Minh</i>	6.1	7.8	7.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122050014	HUỖNH VĂN TRƯỜNG	07/01/2004	CCQ2205A		02	<i>Truong</i>	6.0	8.8	7.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122050016	HỒ MINH TUẤN	22/08/2004	CCQ2205A		03	<i>Tuan</i>	5.6	9.6	8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122050024	NGUYỄN VĂN TUẤN	24/08/2004	CCQ2205A		04	<i>Tuan</i>	5.8	9.2	7.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122050039	LÊ VĂN TƯỜNG	01/04/2004	CCQ2205B		01	<i>Tuong</i>	7.2	8.8	8.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2122050010	NGUYỄN QUỐC VIỆT	17/05/2004	CCQ2205A		02	<i>vi</i>	5.4	9.2	7.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A402**

Mã nhận dạng: 000680

Trang : 1/2

Số SV có mặt: 81.....

Số bài thi: 31.....

Số tờ giấy thi: 81.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122050050	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG AN	02/09/2004	CCQ2205B		03	An	8.1	9.2	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122050063	NGUYỄN XUÂN ANH	15/07/2004	CCQ2205B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122050060	THÁI QUYỀN ANH	24/02/2004	CCQ2205B		01	Thái	6.0	9.2	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122060023	TRẦN THANH ÂN	05/11/2002	CCQ2205A		02	An	5.4	8.4	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122050146	BÙI QUỐC DUY	06/01/2004	CCQ2205B		03	Duy	6.1	8.4	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122050065	LÊ KHÁNH DUY	10/01/2004	CCQ2205B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122050062	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	16/01/2003	CCQ2205B		01	Duc	5.3	8.2	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122050120	PHẠM THANH HẢI	25/01/2004	CCQ2205A		02	Ha	5.7	8.0	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122050119	TRƯƠNG MINH HIỂN	16/11/2004	CCQ2205A		02	Hiển	6.6	8.6	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122050037	NGUYỄN TRUNG HIẾU	04/04/2004	CCQ2205B		01	Hieu	7.0	8.2	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122050054	VŨ GIA HUY	04/06/2004	CCQ2205B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122050059	PHAN TRỌNG HỮU	23/03/2004	CCQ2205B		03	Hu	6.7	7.8	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122050001	TRẦN QUỐC KHÁNH	03/09/2001	CCQ2205A		02	Kh	5.0	6.6	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122050053	NGUYỄN PHẠM HOÀNG MINH	20/11/2004	CCQ2205B		01	Minh	6.9	8.8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122050067	NGUYỄN TẤN GIA NGUYỄN	30/04/2004	CCQ2205B		04	Nguyen	6.2	9.2	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122050136	TRẦN KHẮC NHÂN	24/03/2004	CCQ2205B		03	Nhan	6.1	8.2	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122050068	NGUYỄN HỮU PHÁT	19/02/2003	CCQ2205B		03	Phat	7.6	7.6	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122050118	LÊ TUẤN PHONG	02/08/2004	CCQ2205A		04	Phong	6.7	8.2	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122170513	NGUYỄN TẤN PHÚ	17/06/2004	CCQ2205A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122050069	HUỖNH NGỌC PHÚC	10/12/2003	CCQ2205B		02	Phuc	6.4	8.0	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000680

Trang : 2/2

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A402**

Số SV có mặt: 31.....

Số bài thi: 31.....

Số tờ giấy thi: 31.....

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>[Signature]</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122050048	NGUYỄN DUY PHƯỚC	21/02/2004	CCQ2205B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122050057	LÊ QUANG PHƯƠNG	03/08/2004	CCQ2205B		04	<i>[Signature]</i>	7.5	9.0	8.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122050056	LÊ THANH QUANG	24/11/2004	CCQ2205B		01	<i>[Signature]</i>	7.3	9.0	8.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122050049	ĐẶNG MINH QUÂN	17/06/2004	CCQ2205B		02	<i>[Signature]</i>	6.3	8.6	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122050135	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	08/03/2004	CCQ2205A		02	<i>[Signature]</i>	5.5	8.6	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122050137	TRẦN VĂN QUỐC	11/02/2004	CCQ2205B		01	<i>[Signature]</i>	6.7	7.8	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122050121	LÊ ĐÌNH SƠN	07/04/2004	CCQ2205A		04	<i>[Signature]</i>	6.8	9.0	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122050007	NGUYỄN DUY TÂN	20/01/2004	CCQ2205A		03	<i>[Signature]</i>	6.3	8.6	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122050051	TÔ ĐÌNH THÀNH	18/06/2004	CCQ2205B		02	<i>[Signature]</i>	8.9	9.2	9.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2122050061	HUỲNH QUỐC THỊNH	03/07/2004	CCQ2205B		01	<i>[Signature]</i>	9.3	8.8	9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122050055	TRẦN NGỌC THÔNG	03/07/2004	CCQ2205B		01	<i>[Signature]</i>	6.7	8.6	7.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2122050064	VẠN TRUNG TÍN	05/10/2004	CCQ2205B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122050066	HỒ MẠNH TRÌNH	27/03/2004	CCQ2205B		03	<i>[Signature]</i>	6.6	8.4	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2122050058	ĐẶNG MINH TRỌNG	12/02/2004	CCQ2205B		04	<i>[Signature]</i>	5.5	7.2	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2122050052	VŨ VĂN TRỌNG	25/04/2004	CCQ2205B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2122050114	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	08/03/2004	CCQ2205B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2122050138	NGUYỄN ANH TUẤN	03/04/2003	CCQ2205B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2122140015	NGÔ HOÀNG VIỆT	07/07/2004	CCQ2205A		04	<i>[Signature]</i>	5.8	8.8	7.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2122110207	NGUYỄN TRÍ TUẤN	14/03/2004	CCQ2205B		01	<i>[Signature]</i>	7.1	8.8	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2122050145	NGUYỄN THANH VƯƠNG	24/08/2004	CCQ2205B		02	<i>[Signature]</i>	6.2	7.8	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9